



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERT 269 – VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
 Đ/c: PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
 Tel: 0936.175.507 Email : haticovietnam2016@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
19.	Tổng phenol ^(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH
20.	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	KPH
21.	Sunfua (S ²⁻) ^(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH
22.	Florua (F ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500.F-.B&D:2023	1,53
23.	Clorua (Cl ⁻) ^(b)	mg/L	TCVN 6194:1996	247
24.	Amoni ^(b)	mg/L	TCVN 5988:1995	1,8
25.	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	6,7
26.	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,0
27.	Clo dư ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-CL:2023	0,25
28.	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ ^(b)	mg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D	KPH
29.	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ ^(b)	mg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH
30.	Tổng PCB ^(b)	mg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D	KPH
31.	Coliforms ^(b)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221.B:2023	1,4 x 10 ²
32.	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(b)	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH
33.	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(b)	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH

Ghi chú:

- “KPH”: Không phát hiện.

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM**CÁN BỘ QA/QC**


Nguyễn Thị Duyên


Hoàng Thị Kim Anh


ThS. Nguyễn Văn Hòa

1. (-) Không quy định
 3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
 7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
 4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
 6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
 8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERT 269 – VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Đ/c: PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email : haticovietnam2016@gmail.com

Số: 07618/2025/PKQ/25.7521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP LONG GIANG**

Địa chỉ : KCN Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp

Vị trí lấy mẫu : NT: Nước thải đã xử lý từ trạm xử lý tập trung xả vào nguồn tiếp nhận (kênh Năng) – toạ độ theo hệ VN2000 (X=1157587, Y=559553).

Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01

Ngày nhận mẫu : 23/09/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1.	Nhiệt độ ^(b)	⁰ C	SMEWW 2550.B:2023	27,5
2.	Độ màu ^(b)	Pt/Co	TCVN 6185.C:2015	23,6
3.	pH ^(b)	mg/L	TCVN 6492:2011	7,82
4.	Nhu cầu oxy sinh hoá (BOD5) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	7,6
5.	Nhu cầu oxy hoá học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220.C:2023	12,4
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	6,5
7.	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3114.B:2023	KPH
8.	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	SMEWW 3112.B:2023	KPH
9.	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113.B:2023	KPH
10.	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113.B:2023	KPH
11.	Crom (VI) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH
12.	Crom (III) ^(b)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH
13.	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111.B:2023	0,39
14.	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111.B:2023	0,74
15.	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113.B:2023	KPH
16.	Mangan (Mn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111.B:2023	0,06
17.	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,81
18.	Tổng xianua (CN ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500.CN.C&E:2023	KPH



1. (-) Không quy định

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội

6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.